

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 12 – 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Quang

Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4226A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Thanh V, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Số 2-1-49, M, thành phố H, tỉnh Osaka, Nhật Bản.

Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Bé T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số B TH, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2023; bản tự khai và văn bản xin vắng mặt cùng ngày 01/12/2023, nguyên đơn ông Võ Thanh V bày như sau:

Ông và bà T sau thời gian quen biết nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/01/2023. Sau khi kết hôn, ông và bà T không có thời gian nào chung sống, ông trở về N, hai bên chỉ có liên lạc với nhau qua điện thoại, không có gặp nhau. Sau đó, hai bên nhận thấy sự khác biệt trong sinh hoạt hàng ngày, khác biệt về văn hóa, cách sống. Mâu thuẫn ngày càng nhiều, thường xuyên cãi vã, ông bà cũng nhiều lần hòa giải nhưng do khoảng cách ngày càng

xa, vợ chồng không thể hòa hợp nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Bé T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.
- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại ông đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Nhật Bản), cuộc sống bận rộn nên không thể về tham gia vụ kiện, ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Theo biên bản làm việc ngày 04/12/2023, bị đơn bà Trần Thị Bé T trình bày:

Bà thống nhất với ông Võ Thanh V về hoàn cảnh quen biết và thời gian ông bà kết hôn. Bà T cũng thống nhất với ông V về mâu thuẫn giữa vợ chồng dẫn đến ly hôn. Do vậy, bà cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh V về việc yêu cầu xin ly hôn với bà. Cụ thể:

- Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Võ Thanh V.
- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, bà T bận công việc cá nhân nên không thể tham gia vụ kiện; do đó bà có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn ông Võ Thanh V và bị đơn bà Trần Thị Bé T là ly hôn, nguyên đơn ông Võ Thanh V hiện đang sinh sống, làm việc và có địa chỉ ở Nhật Bản; bị đơn bà Trần Thị Bé T có địa chỉ tại Việt Nam nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

[1.1] Ông Võ Thanh V và bà Trần Thị Bé T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến

Tre, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 31/01/2023 nên hôn nhân giữa ông V và bà T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhận thấy, sau khi đăng ký kết hôn thì ông Vũ t về N để làm việc. Trong thời kỳ hôn nhân thì ông bà bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, có nhiều sự khác nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày do môi trường sống khác nhau, dẫn đến cãi vã, hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành.

[1.2] Bà Trần Thị Bé T trình bày cũng thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Thanh V. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của ông V và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông V yêu cầu ly hôn với bà T là có căn cứ.

[1.3] Từ những phân tích trên, nhận thấy việc ông Võ Thanh V yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Bé T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông V và bà T đều không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Võ Thanh V và bà Trần Thị Bé T đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Võ Thanh V và bà Trần Thị Bé T đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Võ Thanh V và bà Trần Thị Bé T đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có sự tranh chấp về nợ chung thì các bên có liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Võ Thanh V phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của Ông Võ Thanh V và bà Trần Thị Bé T.

1.1. Về hôn nhân: Ông Võ Thanh V được ly hôn bà Trần Thị Bé T.

1.2. Về tài sản chung: Ông Võ Thanh V và bà Trần Thị Bé T đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về nợ chung: Ông Võ Thanh V và bà Trần Thị Bé T đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có sự tranh chấp về nợ chung thì các bên có liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Võ Thanh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002966 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Ông Võ Thanh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị Bé T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt